

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Hàn Quốc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	NN604129
1.2. Tên học phần:	Từ vựng học tiếng Hàn
1.3. Tên tiếng Anh:	...
1.4. Số tín chỉ:	3
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành:	00 tiết
- Tự học:	90 giờ

1.6. Quản lý, phụ trách học phần

- Khoa quản lý học phần:	Khoa Ngoại ngữ
- Giảng viên phụ trách chính:	Lê Tuấn Sơn
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	...

1.7. Điều kiện tham gia học phần

- Học phần tiên quyết:	...
- Học phần học trước:	...
- Học phần song hành:	...

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức nền tảng về lý thuyết Từ vựng học tiếng Hàn; có thể áp dụng thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Hàn về mặt từ vựng; có thể vận dụng đối chiếu giữa tiếng Hàn và tiếng Việt.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức lý thuyết nền tảng cơ bản về từ vựng học tiếng Hàn.
- CO2: Có kiến thức hệ thống về đặc điểm, loại từ, cách hình thành và ý nghĩa của hệ thống từ vựng tiếng Hàn áp dụng vào các tình huống cụ thể.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: hình thành kỹ năng luyện tập theo nhóm trong các nội dung thuyết trình trình bày tại lớp.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Nhận thức được sự thú vị trong việc đối chiếu lý thuyết từ vựng học trong ngôn ngữ Hàn Việt thông qua thái độ học tập chăm chỉ và chủ động.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần "Từ vựng học tiếng Hàn"

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày và vận dụng được những khái niệm về đặc điểm, loại từ, cách hình thành và ý nghĩa hệ thống từ vựng tiếng Hàn.	CO1, CO2, CO3
CLO2	Giải thích và sử dụng thành thạo các hệ thống từ vựng, từ loại tiếng Hàn.	CO1, CO2, CO3
CLO3	Giao tiếp Hàn Việt được ở mức cao cấp	CO2, CO3, CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1				R			R	R				R	R
CLO 2				R			M	M				R	R
CLO 3				R			M	M				R	R
Tổng hợp học phần				R			M	M				R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1] 국립국어원 (2005), *외국인을 위한 한국어문법 1*, Communication Book.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] 김광해 (2004), *어휘론 개설*, 집문당

[3] 한재영 외 (2010), *한국어 어휘 교육*, 태학사

[4] Lê Tuấn Sơn, Hoàng Thị Hải Anh, Nguyễn Diệp Linh (2020), *Tập quy định chuẩn tiếng Hàn* (chuyển dịch và chú giải), Trường Đại học Hạ Long.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần học;

- Phân bố: 3 tiết/ buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra giữa kì: 1 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Giới thiệu học phần (*) Bài 1. Khái quát về từ vựng học tiếng Hàn: 1. Sơ lược về từ vựng học (khái niệm, đối tượng, cách tiếp cận...); 2. Đặc trưng của từ vựng học tiếng Hàn.	1 2	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
2	Bài 2. Khái quát về từ vựng học tiếng Hàn (tiếp theo): 3. Đặc trưng từ ngữ tiếng Hàn. 4. Từ vựng học và giáo dục từ vựng học.	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
3	Bài 3. Phân loại từ vựng học theo nguồn gốc: 1. Từ thuần Hàn (khái niệm và đặc trưng). 2. Từ gốc Hán (khái niệm và đặc trưng). 3. Từ gốc tiếng nước ngoài (khái niệm và đặc trưng).	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
4	Bài 4. Từ loại tiếng Hàn: 1. Khái quát về từ loại (khái niệm, phân loại) 2. Nhóm biến đổi dạng thức (động từ...)	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
5	Bài 5. Từ loại tiếng Hàn (tiếp theo): 2. Nhóm biến đổi dạng thức (tính từ, “-이 다”, đuôi biến đổi dạng thức)	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.

			trong buổi học		
6	Bài 6. Từ loại tiếng Hàn (tiếp theo): 3. Nhóm thể ngôn (danh từ, đại từ, số từ)	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
7	* Bài kiểm tra giữa kỳ (A2) Bài 7. Từ loại tiếng Hàn (tiếp theo): 4. Nhóm bổ nghĩa (định từ, trạng từ, cảm thán từ)	1 (50 phút) 2	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện bài tập, thảo luận; thuyết trình, luyện tập; bài tập về nhà.
8	Bài 8. Cách tạo từ tiếng Hàn: 1. Sự hình thành từ (khái niệm, phân loại theo phương thức cấu thành, gốc từ-tiếp tố) 2. Phép phái sinh trong tiếng Hàn (tiếp đầu từ, tiếp vĩ từ)	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
9	Bài 9. Cách tạo từ tiếng Hàn (tiếp theo): 3. Cấu tạo từ theo cách ghép (phép ghép theo cú pháp, phép ghép phi cú pháp) 4. Phân loại từ ghép (danh từ ghép, động từ ghép)	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
10	Bài 10. Cách tạo từ tiếng Hàn (tiếp theo): 4. Phân loại từ ghép (tính từ ghép, trạng từ ghép; phân loại theo ý nghĩa) 5. Cấu tạo từ theo từ gốc Hán	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
11	Bài 11. Ý nghĩa của từ trong tiếng Hàn: 1. Quan hệ đồng nghĩa 2. Quan hệ gần nghĩa 3. Quan hệ trái nghĩa	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.

12	Bài 12. Ý nghĩa của từ trong tiếng Hàn (tiếp theo): 3. Quan hệ trái nghĩa 4. Quan hệ trên dưới	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
13	Bài 13. Ý nghĩa của từ trong tiếng Hàn (tiếp theo): 5. Quan hệ đa nghĩa (Đa nghĩa trung tâm, đa nghĩa ngoại vi)	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
14	Bài 14. Ý nghĩa của từ trong tiếng Hàn (tiếp theo): 6. Quan hệ đồng âm khác nghĩa 7. Từ đồng âm khác nghĩa gốc Hán	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp; bài tập về nhà.
15	Ôn tập cuối kì Hệ thống kiến thức về từ vựng học tiếng Hàn	3	Hiểu, nhớ và trình bày được các nội dung chính trong buổi học	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết trình, thảo luận nhóm, luyện tập trên lớp

* **Ghi chú:** Ở buổi 1 (buổi học đầu tiên), GV giới thiệu mục tiêu học phần (HP); vị trí và vai trò của HP trong CTĐT của ngành; CLO, các hình thức kiểm tra đánh giá, trọng số của các bài đánh giá, nội dung HP, tiêu chí, biểu điểm các loại bài đánh giá, kiểm tra...; hướng dẫn phương pháp học tập HP, yêu cầu đối với SV; cung cấp và hướng dẫn SV cách sử dụng, theo dõi ĐCCT HP.

8. Phương pháp, kỹ thuật dạy – học

- Trên lớp: Thuyết trình, thảo luận, luyện tập;
- Tự học: chuẩn bị bài trước.
- Làm việc nhóm: Luyện tập theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ học tập, ..

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức tham gia học tập; mức độ hoàn thành các yêu cầu của giảng viên; độ tích cực phát biểu ý kiến	x	CLO1 CLO2 CLO3	Theo dõi, đánh giá thực tế trong cả quá trình dạy học
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Khả năng vận dụng từ vựng, ngữ pháp vào tình huống cụ thể có trong bài kiểm tra	x	CLO1 CLO2	Sinh viên làm bài trên lớp vào đề trên giấy kiểm tra do giảng viên chuẩn bị sẵn. GV chấm theo thang điểm cho sẵn trong bài kiểm tra.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Khả năng đọc viết, ngữ pháp; đọc hiểu và viết câu văn đoạn văn theo chủ đề, trong phạm vi các bài đã được học, vận dụng kiến thức đã học vào một số tình huống không có trong bài.	(theo Đáp án)	CLO1 CLO2 CLO3	Sinh viên làm bài tại phòng thi ở trường vào đề trên giấy thi do nhà trường chuẩn bị sẵn. Sau đó bài thi sẽ được rọc phách và đưa lại cho 2 giám khảo chấm thành 2 lần; 2 GK thống nhất điểm và nhập điểm vào danh sách thi.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực luyện tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực luyện tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức luyện tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không thích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Những nội dung đã được học hoặc vận dụng kiến thức đã học.
- Hình thức: Viết
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Từ vựng	Làm đúng từ vựng	2
2	Cách biểu đạt	Cách biểu đạt phù hợp	1
4	Cấu trúc câu	Vận dụng đúng mẫu câu	1
5	Đọc hiểu	Thể hiện đúng	1
6	Khả năng chuyển ngữ Hàn Việt	Chuyển ngữ đúng nội dung	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Những nội dung đã được dạy học và vận dụng vào tình huống ngoài bài học.
- Hình thức: Viết kết hợp với trắc nghiệm
- Thời gian: 60 phút

Quảng Ninh, ngày....tháng....năm.....

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Lê Tuấn Sơn